TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1045/2019/QĐ-PT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương
Ông Dương Tuấn Vinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

NHẬN -THẤY:

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 436/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 07 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện X – Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các Điều 155; Khoản 2 Điều 156; Điều 163; Điều 164; Điểm đ Khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại", giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1952; Địa chỉ: 4/5 NS, phường BN. Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị E.sinh năm 1963;Địa chỉ:DI 1/14A Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T gồm:

1. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1942; Địa chi: 36 HVL. tổ 11.khu phố 2.phường PL.thị xã T.tỉnh Bình Dương.

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1945; Địa chỉ: D5/20 Ấp 4. xã V. huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1948; Địa chỉ: D5/14A Ấp 4, xã V. huyện X. Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 10 Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Thị E, sinh năm 1961; Địa chỉ: 109 Kênh 19/5 phường SK, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1965 (chết năm 2013)

7. Bà Lê Thị Út T1, sinh năm 1968; Địa chỉ: F1/14 VL(Hương lộ 80 cũ), tô 4, ấp 6C, xã V. huyện X, Thành phố Hố Chí Minh.

8. Ông Lê Văn C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Nhà không số. tô 10. Ấp 4. xã V. huyện X. Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978; Địa chỉ: D5/15B tổ 12, Ấp 4, xã Vĩnh Lộc A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Văn B - sinh năm 1965; Địa chỉ: D5/18 Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Văn L2 - sinh năm 1969; Địa chỉ:345/30/10 A, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: D5/18 Ấp 4, xã V, huyện X , Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Phan Thị A - sinh năm 1953; Địa chỉ: Nhà không số, tổ 12, Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Hữu L3 - sinh năm 1982; Địa chi: D5/15 A tổ 12, Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn – Ông Nguyễn Khắc L.

Tại đơn kháng cáo nộp ngày 02/08/2019, ông Nguyễn Khắc L kháng cáo yêu cầu:

- Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 436/2019/QĐST-DS ngày 19/07/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, Tòa án nhân dân huyện X tiếp tục giải quyết vụ án.

- Kỷ luật Thẩm phán Lê Y vì buộc nguyên đơn đóng tiền 4 lần cho các khoản chi phí tổ tụng mà không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ bình đẳng trước pháp luật.

Theo kháng cáo của ông Nguyễn Khắc L, ông đã nhận quyết định đình chỉ vụ án ngày 02/08/2019, ông cho rằng thẩm phán Lê Y đã có yếu tố tiêu cực khi đình chỉ vụ án, vì nguyên đơn đã đóng các khoản tiền theo yêu cầu sau:

- Tạm ứng án phí sơ thẩm đóng cho Thi hành án.
- Tạm ứng lệ phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ đóng cho Thẩm phán N.
- Tạm ứng lệ phí định giá đóng cho Thẩm phán N.

Nhưng Thẩm phán Lê Y lại yêu cầu nguyên đơn nộp tiếp tiền tạm ứng đo vẽ, thẩm định giá và định giá, nguyên đơn đã có đơn trình bày nộp

ngày 25/06/2019 nhưng Thẩm phán Lê Y vẫn không chấp nhận và đình chỉ vụ án.

Tại phiên họp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 436/2019/QĐST-DS ngày 19/07/2019 của Tòa án nhân dân huyện X do kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các quyết định, biên bản, thông báo theo trình tự, thủ tục tố tụng lưu tại hồ sơ, nhận thấy:

Ngày 13/09/2018 Tòa án nhân dân huyện X đã ra thông báo số 24/TB-TA yêu cầu nguyên đơn Nguyễn Khắc L nộp chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp.

Cùng ngày 13/09/2019 ông Nguyễn Khắc L đã có đơn yêu cầu miễn chi phí xem xét thâm định tại chỗ cho ông. Tòa án nhân dân huyện X đã ra văn bản số 1812/TAHBC ngày 09/10/2018 trả lời ông là nguuyên đơn trong vụ án nên có nghĩa vụ tạm nộp chi phí tổ tụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 156 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 13/11/2018, Tòa án nhân dân huyện X đã lập biên bản về việc không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp là đất và tài sản trên đất 569,1m2 thuộc thửa số 206 tờ bản đồ số 2 ấp 4 xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh do nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tại biên bản (BL.337) nêu rõ: Việc xem xét thẩm định tại chỗ sẽ được tiến hành lại ngay khi nguyên đơn nộp tạm ứng ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngay phần cuối biên bản, ông Nguyễn Khắc L đã đọc và ký tên cùng với việc nêu ý kiến cho rằng không cần thiết phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ do thửa đất tranh chấp đã được phân lô và thể hiện tại bản đồ hiện trạng, vị trí đất.

Ngày 30/11/2018 nguyên đơn có đơn yêu cầu sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn tiếp tục làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất 575,1m2 thuộc thửa 206, 205 tại Ấp 4 xã V, huyện X, Thành phố hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Khắc L và bà Trần Thị Ngọc Lan.

Ngày 05/06/2019 Tòa án nhân dân huyện X ban hành Thông báo số 891/TB-TA yêu cầu ông Nguyễn Khắc L nộp chi phí tổ tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp; Thông báo được tổng đạt đến ông ngày 21/06/2019. Quá thời hạn thông báo, ông Nguyễn Khắc L vẫn không nộp chi phí tô tụng theo yêu cầu nên ngày 19/07/2019 Tòa án nhân dân huyện X đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn không nộp chi phí tổ tụng.

Xét thấy: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 156 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định xem xét thẩm định tại chỗ. Đối với yêu cầu bổ sung của ông Nguyễn Khắc L, thửa đất 206 chưa được xem xét, thẩm định tại chỗ, nên việc Thẩm phán Lê Y ra quyết định

xem xét thẩm định tại chỗ số 208/2018/QĐ-XXTĐTC ngày 09/10/2018 và ra Thông báo cho ông tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là đúng quy định Khoản 2 Điều 156 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
"Trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ."

Do nguyên đơn không nộp tiên tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá nên Tòa án nhân dân huyện X căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tô tụng dân sự năm 2015 là đúng pháp luật.

Việc ông Nguyễn Khắc L cho rằng Thẩm phán Lê Y buộc ông đóng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá khi trước đó ông đã nộp các khoản tiền này cho Thẩm phán N là không đúng, vì:

Vụ án dân sự số 403/2004/TLDS-ST ngày 30/12/2004 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn Khắc L với bị đơn ông Lê Văn B do Thẩm phán Trần Hữu N giải quyết đã được Tòa án nhân dân huyện X đình chỉ theo quyết định đã có hiệu lực pháp luật số 55/2015/QĐDS-ST ngày 10/03/2015 là hoàn toàn khác với vụ án "Tranh chấp hợp đồng chuyến nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệthại" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Khắc L với bị đơn bà Lê Thị E do Tòa án nhân dân huyện X thụ lý số 10/2016/TLST-DS ngày 12/01/2016 vàThẩm phán Lê Y giải quyết. Hơn nữa, kết quả xem xét thâm định tại chỗ và kết quả định giá của vụ án trước đây do Thẩm phán Trần Hữu N giải quyết không phù hợp để sử dụng cho vụ án do Thẩm phán Lê Y tiến hành. Do vậy kháng cáo của ông Nguyễn Khắc L không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý "kỷ luật Thẩm phán Lê Y vì buộc nguyên đơn đóng tiền 4 lần cho các khoản chi phí tố tụng mà không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ bình đẳng trước pháp luật" không thuộc phạm vi giải quyết của Hội đồng xét quyết định phúc thẩm nên không xem xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 314 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng phúc thẩm quyết định: Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 436/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 07 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện X – Thành phố Hồ Chí Minh.

Do giữ nguyên quyết định sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định, tuy nhiên do ông Nguyễn Khắc L sinh năm 1952 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ nêu trên,
Căn cứ :

- Điều Khoản 1 Điều 148 và Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,
- Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 20093;

- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 436/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 07 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

"1. 1 Đình chi giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 10/2016/TLST-DS ngày 12 thảng 01 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại", giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc L, sinh năm 1952; Địa chỉ: 4/5 Nguyễn Siêu, phường BN. Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:*Bà Lê Thị E.sinh năm 1963;Địa chỉ:DI 1/14A Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kể thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Lê Văn Bộ và bà Nguyễn Thị T gồm:

1. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1942; Địa chi: 36 HVL. tổ 11.khu phố 2.phường PL.thị xã T.tỉnh B.

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1945; Địa chỉ: D5/20 Ấp 4. xã V.huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1948; Địa chỉ: D5/14A Ấp 4, xã V.huyện X. Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 10 Ấp 4, xã V,huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Thị E, sinh năm 1961; Địa chỉ: 109 Kênh 19/5. phường SK,quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1965 (chết năm 2013)

7. Bà Lê Thị Út T1, sinh năm 1968; Địa chỉ: F1/14 VL(Hương lộ 80 cũ), tô 4, ấp 6C, xã V. huyện X, Thành phố Hố Chí Minh.

8. Ông Lê Văn C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Nhà không số. tổ 10. Ấp 4. xãV. huyện X. Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978; Địa chỉ: D5/15B tổ 12, Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Văn B - sinh năm 1965; Địa chỉ: D5/18 Ấp 4, xã V huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Văn L2 - sinh năm 1969; Địa chỉ:345/30/10 AC,

phường PT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: D5/18 Ấp 4, xã V. huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Phan Thị A - sinh năm 1953; Địa chỉ: Nhà không số, tổ 12, Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Hữu L3- sinh năm 1982; Địa chi: D5/15 A tổ 12, Ấp 4, xã V, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Khắc L được hoàn lại số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AE/2014/0009687 ngày 06/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc L được miễn án phí phúc thẩm.

4. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
-Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện X;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện X;
- Các đương sự
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh Hiền